

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**CHỦ ĐỀ A: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC**

Câu 1: CPU là viết tắt của từ Tiếng Anh nào sau?

- A. Control Processing Unit
B. Central Processing Unit
C. Central Person Unit
D. Computer Processing Unit

Câu 2: CPU là gì

- A. Trung tâm điều khiển máy tính
B. Bộ xử lý trung tâm của máy tính
C. Bộ điều khiển máy tính
D. Hệ điều hành

Câu 3: CPU làm nhiệm vụ gì

- A. Là thiết bị thực hiện các chương trình tính toán
B. Là thiết bị chính thực hiện và điều khiển việc thực hiện các chương trình
C. Là thân máy tính, chứa các thiết bị phần cứng bên trong nó
D. Là toàn bộ máy tính

Câu 4: Điện thoại thông minh khác với điện thoại thường ở điểm nào?

- A. Điện thoại thông minh có khả năng thực hiện một số tính toán phức tạp.
B. Điện thoại thông minh có khả năng cài đặt một số phần mềm ứng dụng nên có thể truy cập Internet và hiển thị dữ liệu đa phương tiện.
C. Điện thoại thông minh với hệ điều hành có các tính năng “thông minh” hơn so với điện thoại thường.
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 5: Khi dùng điện thoại thông minh chụp ảnh, các file ảnh này có chuyển đến một điện thoại thông minh khác được không?

- A. Chuyển được khi điện thoại mất kết nối.
B. Không chuyển được.
C. Chuyển được khi điện thoại có kết nối.
D. Chuyển được mọi lúc.

Câu 6: Một số chức năng thiết yếu của điện thoại là gì?

- A. Gọi điện.
B. Nhắn tin.
C. Quản lý danh bạ.
D. Tất cả các chức năng.

Câu 7: Đâu không phải là thiết bị thông minh?

- A. Đồng hồ vạn niên.
B. Máy tính bảng.
C. Đồng hồ kết nối với điện thoại thông qua bluetooth.
D. Máy tính xách tay.

Câu 8: Nói Camera có độ phân giải 12 megapixel” nghĩa là gì?

- A. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị chất lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 12 megapixel.
B. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị chất lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 21 megapixel.
C. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị chất lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 1,2 megapixel.
D. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị dung lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 12 megapixel.

Câu 9. Phần mềm khai thác trực tuyến chỉ sử dụng được trên môi trường nào?

- A. Máy tính cá nhân.
B. Máy tính laptop.
C. Môi trường Web.
D. Điện thoại di động.

Câu 10. Giấy phép phần mềm công cộng (GNU GPL. đảm bảo điều gì?

- A. Tự do khai thác, nghiên cứu, sửa đổi và chia sẻ phần mềm.
- B. Chỉ cho phép sử dụng phần mềm trên môi trường Web.
- C. Yêu cầu người dùng phải trả phí để sử dụng phần mềm.
- D. Yêu cầu người dùng cài đặt trên máy tính.

CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Câu 1. Dịch vụ lưu trữ trực tuyến nào được sử dụng phổ biến nhất?

- A. Google Drive
- B. Dropbox
- C. OneDrive
- D. iCloud

Câu 2. Các loại tệp nào có thể được lưu trữ trên dịch vụ lưu trữ trực tuyến?

- A. Tệp văn bản
- B. Tệp âm thanh
- C. Tệp hình ảnh
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 3. Google Drive là gì?

- A. Dịch vụ lưu trữ trực tuyến của Google
- B. Trình duyệt web của Google
- C. Ứng dụng chỉnh sửa văn bản của Google
- D. Công cụ tìm kiếm của Google

Câu 4. Google Drive cung cấp bao nhiêu dung lượng lưu trữ miễn phí cho người dùng?

- A. 5 GB
- B. 10 GB
- C. 15 GB
- D. 20 GB

Câu 5: Để tìm kiếm thông tin trên Internet, em sử dụng:

- A. Gmail
- B. Cloud
- C. Google
- D. Python

Câu 6: Máy tìm kiếm google có thể sử dụng:

- A. Chỉ tìm kiếm bằng tiếng anh
- B. Chỉ tìm kiếm bằng tiếng việt
- C. Tìm kiếm được bằng tất cả các ngôn ngữ thông dụng trên thế giới.
- D. Tìm kiếm được bằng cả tiếng anh và tiếng việt.

Câu 7. Máy tìm kiếm là gì?

- A. Một chương trình bảo vệ máy tính khỏi virus
- B. Một chương trình sắp xếp dữ liệu trên máy tính của bạn
- C. Một động cơ cung cấp sức mạnh cho Internet
- D. Một hệ thống phần mềm cho phép người dùng Internet tìm kiếm thông tin trên WWW

Câu 8. Mục đích chính của việc quản lý email bằng bộ lọc và tìm kiếm là gì?

- A. Loại bỏ tất cả các email không cần thiết.
- B. Tạo danh sách liên lạc tiện lợi.
- C. Dễ dàng tìm kiếm và xử lý email.
- D. Gửi email tự động.

Câu 9. Bộ lọc thư rác (spam filter) được sử dụng để làm gì?

- A. Phân loại email theo mức độ quan trọng.
- B. Loại bỏ các email quảng cáo hoặc thư rác
- C. Gửi email tự động.
- D. Tạo danh sách liên lạc.

Câu 10. Một email đã được gán nhãn là "Quan trọng" sẽ xuất hiện ở đâu trong hộp thư?

- A. Hộp thư đến chính.
- B. Hộp thư spam.
- C. Hộp thư đã gửi.
- D. Hộp thư nháp.

CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HOÁ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ ỨNG XỬ VĂN HOÁ VÀ AN TOÀN TRÊN MẠNG

Câu 1: Hành vi nào sau đây là hành vi nghiện internet?

- A. Tranh thủ mọi lúc mọi nơi để lên mạng xã hội, sống ảo nhiều hơn ngoài đời thực, rụt rè, thiếu tự tin khi giao tiếp.
- B. Thức thâu đêm để chơi game trực tuyến.
- C. Trộm cắp, lừa đảo để có tiền chơi game.
- D. Tất cả các hành vi trên.

Câu 2: Em mới quen được một bạn trên mạng, bạn đó muốn nhờ em chia sẻ giúp bạn một video bạo lực. Em sẽ làm gì?

- A. Chia sẻ giúp bạn.
- B. Không chia sẻ và nói với bạn không nên làm vậy.
- C. Không chia sẻ công khai nhưng sẽ gửi cho từng người trong danh sách bạn bè của em.
- D. Chỉ chia sẻ trong những nhóm kín.

Câu 3: Thế nào là dụ dỗ và bắt nạt trên mạng?

- A. Bạn bè lôi kéo, chửi bới, hăm dọa, không chế em làm theo yêu cầu của chúng.
- B. Bạn bè tặng quà sinh nhật.
- C. Bạn bè gửi lời chúc mừng sinh nhật qua mạng.
- D. Bạn bè nhắn tin hỏi thăm qua mạng.

Câu 4: Hành động nào sau đây là đúng?

- A. Luôn chấp nhận lời mời kết bạn của người lạ.
- B. Nói với bố mẹ và thầy cô về việc em bị đe dọa qua mạng.
- C. Chia sẻ cho các bạn những video bạo lực.
- D. Đăng thông tin không đúng về một người bạn cùng lớp lên mạng xã hội.

Câu 5: Em phát hiện ra có người giả mạo tài khoản Facebook của em để nhắn tin mượn tiền bạn bè hoặc người thân của em. Em sẽ làm gì?

- A. Mặc kệ, vì đó chỉ là kẻ mạo danh.
- B. Coi như không biết.
- C. Lập tài khoản Facebook khác để dùng.
- D. Cảnh báo người thân, bạn bè để tránh bị lừa đảo, sau đó báo cáo tài khoản mạo danh để Facebook khóa tài khoản mạo danh.

Câu 6: Bạn của em nói cho em biết một số thông tin riêng tư không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em nên làm gì?

- A. Đăng thông tin đó lên mạng để mọi người đều đọc được.
- B. Đăng thông tin đó lên mạng nhưng giới hạn chỉ để bạn bè đọc được.
- C. Đi hỏi thêm thông tin, nếu đúng thì sẽ đăng lên mạng cho mọi người biết.
- D. Bỏ qua không để ý vì thông tin đó có thể không đúng, nếu đúng thì cũng không nên xâm phạm vào những thông tin riêng tư của bạn.

Câu 7: Đâu không phải là biện pháp phòng ngừa tác hại khi tham gia internet?

- A. Vào mạng xã hội thâu đêm suốt sáng.
- B. Không mở email từ địa chỉ lạ.
- C. Không truy cập các trang web không lành mạnh.
- D. Tự suy nghĩ thay vì lập tức tìm sự trợ giúp của Internet.

Câu 8: Em thường xuyên nhận được các tin nhắn trên mạng có nội dung như: “mày là một đứa ngu ngốc, béo ú”, “mày là một đứa xấu xa, không đáng làm bạn”,... từ một người lớn mà em quen. Em nên làm gì?

- A. Nói chuyện với thầy cô giáo, bố mẹ về sự việc để xin ý kiến giải quyết.
- B. Bỏ qua, chắc họ chỉ trêu thôi.
- C. Nhắn tin lại cho người đó các nội dung tương tự.
- D. Gặp thẳng người đó hỏi tại sao lại làm thế và yêu cầu dừng ngay.

Câu 9: Em dùng mạng xã hội trên máy tính công cộng nhưng quên không thoát đăng nhập ra, bạn thân của em thấy thế không bảo em mà dùng tài khoản của em nhắn tin cho bạn bè của em với lời lẽ không hay. Em sẽ làm gì?

- A. Đăng lên mạng xã hội để chửi mắng người bạn này.
- B. Nhắn tin lên án, phê bình gay gắt bạn.
- C. Gặp trực tiếp hoặc nhắn tin bảo bạn không nên làm thế vì đó là tài khoản cá nhân, nếu mình quên thoát đăng nhập thì bạn nên bảo mình hoặc thoát đăng nhập hộ mình.

D. Bình luận vào bài của mình để chỉ trích bạn đó.

Câu 10: Nếu em nhận được một tin nhắn trúng thưởng qua Zalo, phần thưởng gồm một xe máy SH, một điện thoại Iphone, một máy vi tính xách tay và 150 triệu tiền mặt ... Họ yêu cầu em chuyển tiền làm hồ sơ để nhận phần thưởng, em sẽ làm gì?

A. Kiểm tra tổng giá trị các phần thưởng.

B. Làm theo mọi yêu cầu để nhận phần thưởng.

C. Không thông báo cho bất kì ai về tin nhắn trúng thưởng này.

D. Xác minh độ tin cậy của thông tin, thông báo cho người thân trong gia đình biết để có hướng giải quyết.

CHỦ ĐỀ F. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Câu 1: Theo em, ứng dụng nào sau dưới đây KHÔNG cần có CSDL?

A. Quản lí bán vé máy bay.

B. Quản lí chi tiêu cá nhân.

C. Quản lí cước phí điện thoại

D. Quản lí một mạng xã hội.

Câu 2: Công việc thường gặp khi xử lí thông tin trong bài toán quản lí của một tổ chức là gì?

A. Tạo lập hồ sơ

B. Cập nhật dữ liệu

C. Khai thác thông tin

D. Tất cả đáp án trên

Câu 3: Cơ sở dữ liệu (CSDL) là :

A. Tập hợp dữ liệu phục vụ một bài toán quản lí nào đó.

B. Tập hợp dữ liệu phản ánh hồ sơ của một tổ chức, có thể cập nhật và khai thác thông tin từ đó phục vụ công tác quản lí của tổ chức này.

C. Tập hợp dữ liệu được tổ chức sao cho máy tính có thể lưu trữ, truy cập, cập nhật và xử lí để phục vụ cho hoạt động của một đơn vị nào đó.

D. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên giấy để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

Câu 4: Trong các câu sau, câu nào ĐÚNG về “Hệ quản trị CSDL”?

A. CSDL được quản lí bằng một chương trình

B. CSDL quản lí một hệ thống nào đó

C. Phần mềm sử dụng dữ liệu trong CSDL

D. Phần mềm cung cấp môi trường để tạo lập, lưu trữ, cập nhật, khai thác CSDL.

Câu 5: Thành phần nào dưới đây KHÔNG thuộc hệ CSDL?

A. Hệ điều hành

B. CSDL

C. Hệ QT CSDL

D. Phần mềm ứng dụng dùng CSDL

Câu 6: Hãy nêu các ưu điểm khi sử dụng CSDL trên máy tính:

A. Gọn, thời sự (Cập nhật đầy đủ, kịp thời...)

B. Gọn, nhanh chóng

C. Gọn, thời sự, nhanh chóng, nhiều người có thể sử dụng chung CSDL

D. Gọn, thời sự, nhanh chóng

Câu 7: Hãy chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau:

A Xử lí thông tin trong bài toán quản lí gồm: Tạo lập hồ sơ, cập nhật dữ liệu và khai thác thông tin.

B. Quản lí bán hàng ở siêu thị không cần dùng đến CSDL

C. Tìm kiếm, thống kê, lập báo cáo là ba thao tác nằm trong nhóm công việc khai thác thông tin.

D. Cập nhật dữ liệu gồm có ba việc: Thêm, sửa, xóa dữ liệu.

Câu 8: Trường em có CSDL dùng để quản lí việc mượn và trả sách tại thư viện. Theo em CSDL đó quản lí những dữ liệu của những chủ thể nào?

A. Sách, người mượn, việc mượn trả sách.

B. Sách, thủ thư, độc giả

C. Học sinh, giáo viên, sách

D. Sách, nội quy thư viện, hội thảo sách.

Câu 9: Trường em có CSDL dùng để quản lý việc mượn và trả sách tại thư viện. Hãy chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau?

- A. Khi xây dựng CSDL, mỗi chủ thể nên lưu trữ dữ liệu bằng 1 bảng.
- B. Những người liên quan đến CSDL đó được chia thành 3 nhóm: Người quản trị, người lập trình ứng dụng và người dùng.
- C. Việc rút ra được dữ liệu thỏa mãn điều kiện nào đó ta gọi là thống kê dữ liệu.
- D. Cần phải cập nhật dữ liệu khi có sự thay đổi để đảm bảo tính đầy đủ và chính xác.

Câu 10: Giả sử trường em cần có một CSDL để quản lý kết quả học tập của học sinh. Theo em cơ sở dữ liệu này cần có những bảng nào?

- A. Học sinh, giáo viên
- B. Số báo danh, Học sinh
- C. Đánh phách, Học sinh, giáo viên
- D. Học sinh, điểm các môn

Câu 11: Chức năng của hệ QTCSDL

- A. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển việc truy cập vào CSDL;
- B. Cung cấp môi trường cập nhật dữ liệu và khai thác dữ liệu;
- C. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL;
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 12: Cập nhật dữ liệu là:

- A. Thay đổi dữ liệu trong các bảng
- B. Thay đổi dữ liệu trong các bảng gồm: thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi
- C. Thay đổi cấu trúc của bảng
- D. Thay đổi cách hiển thị dữ liệu trong bảng

Câu 13: Chế độ nào cho phép thực hiện cập nhật dữ liệu trên bảng một cách đơn giản?

- A. Chế độ hiển thị trang dữ liệu
- B. Chế độ biểu mẫu
- C. Chế độ thiết kế
- D. Một đáp án khác

Câu 14: Khi nào thì có thể nhập dữ liệu vào bảng?

- A. Ngay sau khi cơ sở dữ liệu được tạo ra.
- B. Bất cứ khi nào có dữ liệu.
- C. Bất cứ lúc nào cần cập nhật dữ liệu.
- D. Sau khi bảng đã được tạo trong cơ sở dữ liệu.

Câu 15: Để mở cửa sổ tạo liên kết giữa các bảng ta thực hiện thao tác theo phương án nào sau đây

- A. Database Tools \ Relationships
- B. Create \ Relationships
- C. Home \ Relationships
- D. Table \ Relationships

Câu 16. Khóa ngoài của một bảng là gì?

- A. Một trường của bảng này và đồng thời là khóa của một bảng khác
- B. Một trường bất kỳ.
- C. Phải là trường khóa chính của bảng đó
- D. Là trường có trong bảng này nhưng không có trong bảng khác

Câu 17: Phương án nào sau đây dùng để sửa liên kết giữa các bảng

- A. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Edit Relationships
- B. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Show Table
- C. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Hide Table
- D. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Delete

Câu 18. Chọn phương án sai. Liên kết giữa các bảng cho phép:

- A. Khóa dữ liệu, không cho tạo thêm dữ liệu mới gây dư thừa
- B. Có thể có được thông tin tổng hợp từ nhiều bảng
- C. Nhất quán dữ liệu
- D. Tránh được dư thừa dữ liệu

Câu 19. Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng:

1. Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính(trường khóa làm khóa chính)
 2. Chọn các tham số liên kết
 3. Hiện thị hai bảng (các trường) muốn tạo liên kết
 4. Mở cửa sổ Relationships
- A. 2→4→1→3 B. 4→3→1→2 C. 4→2→3→1 D. 3→1→4→2

Câu 20. Điều kiện để tạo mỗi liên kết giữa hai bảng là :

- A. Trường liên kết của hai bảng phải cùng kiểu dữ liệu
- B. Trường liên kết của hai bảng phải là chữ hoa
- C. Trường liên kết của hai bảng phải là kiểu dữ liệu số
- D. Trường liên kết của hai bảng phải khác nhau về kiểu dữ liệu

Câu 21: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

- A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

Câu 22: Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :

- A. Tính toán cho các trường tính toán
- B. Sửa cấu trúc bảng
- C. Xem, nhập và sửa dữ liệu
- D. Lập báo cáo

Câu 23. Truy vấn CSDL là:

- A. Một tập hợp các bảng dữ liệu có liên quan với nhau.
- B. Một phát biểu thể hiện yêu cầu của người dùng đối với CSDL.
- C. Là cung cấp một khuôn dạng thuận tiện để nhập và sửa dữ liệu.
- D. Cung cấp các nút lệnh để người dùng có thể sử dụng.

Câu 24. Ngôn ngữ truy vấn CSDL phổ biến hiện nay là:

- A. Access B. Excel C. Word D. SQL

Câu 25. Cho câu truy vấn sau:

SELECT [Họ và tên], [Giới tính], [Toán]

FROM [HỌC SINH 11]

WHERE [Giới tính] = "Nữ"

Em hãy cho biết câu truy vấn trên cho biết thông tin:

- A. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính, điểm môn Toán của tất cả các học sinh nữ
- B. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính, điểm môn Toán của tất cả các học sinh nam
- C. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính, điểm môn Toán của tất cả các học sinh
- D. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính của tất cả các học sinh nữ

Câu 26. Cho cấu trúc 1 câu truy vấn như sau:

SELECT [Họ và tên], [Ngày sinh], [Tin học]

FROM [HỌC SINH 11]

WHERE

Em hãy hoàn thiện cấu trúc truy vấn trên bằng cách điền vào chỗ trống (...), để đưa ra danh sách gồm họ tên, ngày sinh, điểm môn Tin học của những học sinh có điểm môn Tin học từ 7.5 trở lên từ bảng dữ liệu HỌC SINH 11:

A. [Tin học] > 7.5

B. [Tin học] = 7.5

C. [Tin học] >= 7.5

D. [Tin học] <= 7.5

Câu 27: Hãy chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau:

A. Xử lý thông tin trong bài toán quản lý gồm: Tạo lập hồ sơ, cập nhật dữ liệu và khai thác thông tin.

B. Quản lý bán hàng ở siêu thị không cần dùng đến CSDL

C. Tìm kiếm, thống kê, lập báo cáo là ba thao tác nằm trong nhóm công việc khai thác thông tin.

D. Cập nhật dữ liệu gồm có ba việc: Thêm, sửa, xóa dữ liệu.

Câu 28: Trường em có CSDL dùng để quản lý việc mượn và trả sách tại thư viện. Theo em CSDL đó quản lý những dữ liệu của những chủ thể nào?

A. Sách, người mượn, việc mượn trả sách.

B. Sách, thủ thư, độc giả

C. Học sinh, giáo viên, sách

D. Sách, nội quy thư viện, hội thảo sách.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu các bước tạo bảng trong Access?

Câu 2: Trình bày khái niệm về CSDL, HQTSSDL và cho ví dụ minh họa?

Câu 3: Tại sao cần tạo liên kết giữa các bảng trong CSDL. Nêu điều kiện cần có để hình thành liên kết giữa hai bảng.

Câu 4: Ngày 17/5, hai chủ tài khoản Facebook có tên “Nguyễn Đức Vũ” và “Nguyễn Thanh Hằng” đã chia sẻ bài viết về thuốc “Địa long” có thể ngăn ngừa lây nhiễm và trị dứt điểm virus SARS-CoV-2. Là một người sử dụng mạng xã hội Facebook, em sẽ có cách ứng xử như thế nào đối với thông tin trên? Đối với hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt sẽ bị xử phạt như thế nào?**Câu 5:** Phân biệt mạng Lan và mạng Internet

Câu 5: Cho CSDL bán hàng gồm các bảng:

Khách hàng(Mã khách, tên khách, địa chỉ, số điện thoại, điểm tích lũy)

Hàng(Mã hàng, tên hàng, đơn giá)

Đơn hàng(Mã đơn, mã khách, ngày bán)

Chi tiết bán hàng(Mã đơn, mã hàng, số lượng)

Hãy thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định khoá chính, khoá ngoài của mỗi bảng.

- Xác định các liên kết có trong CSDL trên.

- Sử dụng ngôn ngữ SQL để đưa ra các thông tin tên khách hàng, số điện thoại của khách hàng có điểm tích lũy trên 1000 điểm

- Sử dụng ngôn ngữ SQL để đưa ra chi tiết hoá đơn của các khách mua hàng ngày 12/12/2023.

- Sử dụng ngôn ngữ SQL để đưa ra các thông tin các mặt hàng có đơn giá dưới 100000.

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm)**Câu 1: CPU là viết tắt của từ Tiếng Anh nào sau?**

- A. Control Processing Unit
B. Central Processing Unit
C. Central Person Unit
D. Computer Processing Unit

Câu 2: CPU là gì

- A. Trung tâm điều khiển máy tính
B. Bộ xử lý trung tâm của máy tính
C. Bộ điều khiển máy tính
D. Hệ điều hành

Câu 3: CPU làm nhiệm vụ gì

- A. Là thiết bị thực hiện các chương trình tính toán
B. Là thiết bị chính thực hiện và điều khiển việc thực hiện các chương trình
C. Là thân máy tính, chứa các thiết bị phần cứng bên trong nó
D. Là toàn bộ máy tính

Câu 4: Điện thoại thông minh khác với điện thoại thường ở điểm nào?

- A. Điện thoại thông minh có khả năng thực hiện một số tính toán phức tạp.
B. Điện thoại thông minh có khả năng cài đặt một số phần mềm ứng dụng nên có thể truy cập Internet và hiển thị dữ liệu đa phương tiện.
C. Điện thoại thông minh với hệ điều hành có các tính năng “thông minh” hơn so với điện thoại thường.
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 5: Khi dùng điện thoại thông minh chụp ảnh, các file ảnh này có chuyển đến một điện thoại thông minh khác được không?

- A. Chuyển được khi điện thoại mất kết nối.
B. Không chuyển được.
C. Chuyển được khi điện thoại có kết nối.
D. Chuyển được mọi lúc.

Câu 6: Một số chức năng thiết yếu của điện thoại là gì?

- A. Gọi điện.
B. Nhắn tin.
C. Quản lý danh bạ.
D. Tất cả các chức năng.

Câu 7: Đâu không phải là thiết bị thông minh?

- A. Đồng hồ vạn niên.
B. Máy tính bảng.
C. Đồng hồ kết nối với điện thoại thông qua bluetooth.
D. Máy tính xách tay.

Câu 8: Nói Camera có độ phân giải 12 megapixel” nghĩa là gì?

- A. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị chất lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 12 megapixel.
B. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị chất lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 21 megapixel.
C. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị chất lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 1,2 megapixel.

D. Độ phân giải camera Megapixel là thông số biểu thị dung lượng hình ảnh mà camera đó có khả năng thu được 12 megapixel.

Câu 9. Phần mềm khai thác trực tuyến chỉ sử dụng được trên môi trường nào?

- A. Máy tính cá nhân.
- B. Máy tính laptop.
- C. Môi trường Web.
- D. Điện thoại di động.

Câu 10: Nếu em nhận được một tin nhắn trúng thưởng qua Zalo, phần thưởng gồm một xe máy SH, một điện thoại Iphone, một máy vi tính xách tay và 150 triệu tiền mặt ... Họ yêu cầu em chuyển tiền làm hồ sơ để nhận phần thưởng, em sẽ làm gì?

- A. Kiểm tra tổng giá trị các phần thưởng.
- B. Làm theo mọi yêu cầu để nhận phần thưởng.
- C. Không thông báo cho bất kì ai về tin nhắn trúng thưởng này.
- D. Xác minh độ tin cậy của thông tin, thông báo cho người thân trong gia đình biết để có hướng giải quyết.

Câu 11: Theo em, ứng dụng nào sau dưới đây KHÔNG cần có CSDL?

- A. Quản lí bán vé máy bay.
- B. Quản lí chi tiêu cá nhân.
- C. Quản lí cước phí điện thoại
- D. Quản lí một mạng xã hội.

Câu 12: Cập nhật dữ liệu là:

- A. Thay đổi dữ liệu trong các bảng
- B. Thay đổi dữ liệu trong các bảng gồm: thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi
- C. Thay đổi cấu trúc của bảng
- D. Thay đổi cách hiển thị dữ liệu trong bảng

Câu 13: Chế độ nào cho phép thực hiện cập nhật dữ liệu trên bảng một cách đơn giản?

- A. Chế độ hiển thị trang dữ liệu
- B. Chế độ biểu mẫu
- C. Chế độ thiết kế
- D. Một đáp án khác

Câu 14: Khi nào thì có thể nhập dữ liệu vào bảng?

- A. Ngay sau khi cơ sở dữ liệu được tạo ra.
- B. Bất cứ khi nào có dữ liệu.
- C. Bất cứ lúc nào cần cập nhật dữ liệu.
- D. Sau khi bảng đã được tạo trong cơ sở dữ liệu.

Câu 15: Để mở cửa sổ tạo liên kết giữa các bảng ta thực hiện thao tác theo phương án nào sau đây

- A. Database Tools \ Relationships
- B. Create \ Relationships
- C. Home \ Relationships
- D. Table \ Relationships

Câu 16. Khóa ngoài của một bảng là gì?

- A. Một trường của bảng này và đồng thời là khóa của một bảng khác
- B. Một trường bất kỳ.
- C. Phải là trường khóa chính của bảng đó
- D. Là trường có trong bảng này nhưng không có trong bảng khác

Câu 17: Phương án nào sau đây dùng để sửa liên kết giữa các bảng

- A. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Edit Relationships
- B. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Show Table
- C. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Hide Table
- D. Nháy chuột phải vào đường liên kết sau đó chọn Delete

Câu 18. Chọn phương án sai. Liên kết giữa các bảng cho phép:

- A. Khóa dữ liệu, không cho tạo thêm dữ liệu mới gây dư thừa
- B. Có thể có được thông tin tổng hợp từ nhiều bảng
- C. Nhất quán dữ liệu
- D. Tránh được dư thừa dữ liệu

Câu 19. Sắp xếp các bước theo đúng thứ tự thực hiện để tạo liên kết giữa hai bảng:

1. Kéo thả trường khóa làm liên kết từ bảng phụ tới bảng chính(trường khóa làm khóa chính)

2. Chọn các tham số liên kết
3. Hiển thị hai bảng (các trường) muốn tạo liên kết
4. Mở cửa sổ Relationships

A. 2→4→1→3 B. 4→3→1→2 C. 4→2→3→1 D. 3→1→4→2

Câu 20. Điều kiện để tạo mối liên kết giữa hai bảng là :

- A. Trường liên kết của hai bảng phải cùng kiểu dữ liệu
- B. Trường liên kết của hai bảng phải là chữ hoa
- C. Trường liên kết của hai bảng phải là kiểu dữ liệu số
- D. Trường liên kết của hai bảng phải khác nhau về kiểu dữ liệu

Câu 21: Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

Câu 22: Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :

- A. Tính toán cho các trường tính toán B. Sửa cấu trúc bảng
- C. Xem, nhập và sửa dữ liệu D. Lập báo cáo

Câu 23. Truy vấn CSDL là:

- A. Một tập hợp các bảng dữ liệu có liên quan với nhau.
- B. Một phát biểu thể hiện yêu cầu của người dùng đối với CSDL.
- C. Là cung cấp một khuôn dạng thuận tiện để nhập và sửa dữ liệu.
- D. Cung cấp các nút lệnh để người dùng có thể sử dụng.

Câu 24. Ngôn ngữ truy vấn CSDL phổ biến hiện nay là:

A. Access B. Excel C. Word D. SQL

Câu 25. Cho câu truy vấn sau:

SELECT [Họ và tên], [Giới tính], [Toán]

FROM [HỌC SINH 11]

WHERE [Giới tính] = "Nữ"

Em hãy cho biết câu truy vấn trên cho biết thông tin:

- A. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính, điểm môn Toán của tất cả các học sinh nữ
- B. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính, điểm môn Toán của tất cả các học sinh nam
- C. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính, điểm môn Toán của tất cả các học sinh
- D. Đưa ra danh sách gồm: họ và tên, giới tính của tất cả các học sinh nữ

Câu 26. Cho cấu trúc 1 câu truy vấn như sau:

SELECT [Họ và tên], [Ngày sinh], [Tin học]

FROM [HỌC SINH 11]

WHERE

Em hãy hoàn thiện cấu trúc truy vấn trên bằng cách điền vào chỗ trống (...), để đưa ra danh sách gồm họ tên, ngày sinh, điểm môn Tin học của những học sinh có điểm môn Tin học từ 7.5 trở lên từ bảng dữ liệu HỌC SINH 11:

A. [Tin học] > 7.5

B. [Tin học] = 7.5

C. [Tin học] >= 7.5

D. [Tin học] <= 7.5

II. Phần tự luận: (3.0 điểm)

Câu 1 (1.5 điểm): Trình bày khái niệm về CSDL, HQTSSDL. Cho ví dụ minh họa?

Câu 2 (1.5 điểm): Cho CSDL bán hàng gồm các bảng:

Khách hàng(Mã khách, tên khách, địa chỉ, số điện thoại, điểm tích lũy)

Hàng(Mã hàng, tên hàng, đơn giá)

Đơn hàng(Mã đơn, mã khách, ngày bán)

Chi tiết bán hàng(Mã đơn, mã hàng, số lượng)

Hãy thực hiện các yêu cầu sau:

- Xác định khoá chính, khoá ngoài của mỗi bảng.

- Xác định các liên kết có trong CSDL trên.

- Sử dụng ngôn ngữ SQL để đưa ra các thông tin tên khách hàng, số điện thoại của khách hàng có điểm tích lũy trên 1000 điểm

-----HẾT-----